|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH QUẢNG NAMSỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT Số: 94 /BC-SNN&PTNT | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc *Quảng Nam, ngày 22 tháng 4 năm 2019* |

**BÁO CÁO**

**Đánh giá kết quả sản xuất vụ Đông Xuân 2018 - 2019**

**và triển khai sản xuất vụ Hè Thu 2019**

***Phần thứ nhất***

**KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN 2018 - 2019**

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

Sản xuất vụ Đông Xuân 2018 – 2019, tuy đầu vụ ảnh hưởng của các đợt không khí lạnh (KKL), thời tiết có mưa vừa, mưa to đến rất to ([[1]](#footnote-1)), gây ngập lụt rau màu sản xuất sớm tại một số địa phương trong tỉnh (Tam Kỳ, Phú Ninh, Thăng Bình…), song cả vụ với nền nhiệt độ tương đối cao, nước tưới đảm bảo nên hầu hết các loại cây trồng sinh trưởng phát triển tốt, cho năng suất cao ([[2]](#footnote-2)). Đến nay, lúa nước trời và một số diện tích rau màu đã bước vào thu hoạch và cho năng suất khá. Nếu không có sự biến động lớn của điều kiện thời tiết (gió lốc, mưa ngập…) thì có thể đánh giá vụ Đông Xuân 2018 - 2019 được mùa.

Đối với chăn nuôi và thủy sản: do ảnh hưởng của bệnh LMLM, cùng với nguy cơ Dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP) ([[3]](#footnote-3)), nên giá cả, tiêu thụ và tái đàn lợn bị giảm sút. Bệnh đốm trắng, bệnh hoại tử gan tụy cấp trên tôm nuôi cũng đã được theo dõi và phát hiện kịp thời, nên tình hình chăn nuôi và nuôi trồng trong vụ ổn định.

**II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT**

**1. Nông nghiệp**

*1.1. Trồng trọt:* Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm vụ Đông xuân ước đạt 77,77 nghìn ha, bằng 99,3% (-744 ha) so với cùng vụ năm trước, trong đó: nhóm cây lương thực có hạt 47,1 nghìn ha, bằng 98,8% (-561 ha); nhóm cây chất bột có củ 8.955 ha, bằng 93,9% (-583 ha); nhóm cây có hạt chứa dầu 8.417 ha, bằng 100,2% (+21 ha); nhóm cây rau, đậu các loại và hoa 9.760 ha (trong đó, dưa hấu khoảng 450ha), bằng 102,9% (+272 ha); nhóm cây gia vị và dược liệu 1.062 ha, bằng 115,6% (+143 ha); nhóm cây hàng năm khác 2.122 ha, bằng 105,3% (+117 ha).

- Cây lúa: Sạ cấy 42.100 ha, giảm hơn 400 ha so với cùng kỳ năm trước. Năng suất bình quân ước đạt 57,7 tạ/ha, sản lượng 243.000 tấn, riêng lúa chủ động nước sản xuất 38.730 ha, năng suất bình quân ước đạt khoảng 59 tạ/ha, cao hơn vụ Đông Xuân năm trước. Diện tích sản xuất lúa giống là 3.335 ha (385 ha giống lúa lai và 2.815 ha giống lúa thuần).

- Ngô: gieo trồng 6.000 ha, đạt 40% kế hoạch năm (bằng 95% so với ĐX 2017-2018), trong đó ngô chính vụ Đông Xuân là 5.500 ha, năng suất bình quân ước đạt: 49 tạ/ha, xấp xỉ vụ Đông Xuân trước, sản lượng xấp xỉ 27.000 tấn.

- Lạc: sản xuất 8.200 ha, đạt 68,3% kế hoạch năm, năng suất bình quân ước đạt trên 23 tạ/ha, sản lượng đạt: 18.900 tấn.

- Cây dược liệu: Diện tích tăng 279 ha trong vụ. Trong đó, các cây trồng theo cơ chế khuyến khích phát triển là 192 ha, đạt 84,6% kế hoạch (trong đó: Sa nhân: 48 ha, Ba kích: 83,5 ha, Đảng sâm: 60,5 ha), với sự tham gia của trên 1.000 hộ dân tại các huyện miền núi của tỉnh. Diện tích còn lại các địa phương trồng một số cây dược liệu như gừng, đinh lăng, cà gai leo, kim tiền thảo... trong vùng đã được quy hoạch. Triển khai thực hiện 4 vườn bảo tồn cây dược liệu tại các huyện Nam Trà My, Đông Giang, Tây Giang và Phước Sơn với diện tích 25 ha (Ba kích 7,5 ha, Sa nhân 7,5 ha và Đảng sâm 10 ha). Riêng đối với Sâm Ngọc Linh, tiếp tục thực hiện công tác gieo trồng, chăm sóc để trồng bảo tồn và trồng mới theo kế hoạch.

- Trong vụ đã tiếp tục duy trì diện tích chuyển đổi các năm trước, tổng diện tích đã chuyển đổi đất lúa trong vụ là: 585 ha, trong đó, một số địa phương tiếp tục chuyển đổi với diện tích lớn như: Phú Ninh (202 ha), Duy Xuyên (117 ha), Đại Lộc ( 92 ha), Tam Kỳ (40 ha)... Loại cây trồng chuyển đổi có diện tích lớn, chủ yếu là: Dưa hấu (188,5 ha), lạc (100 ha), ngô (54,3 ha), Rau, đậu các loại (54,2 ha), cây sen, cây dược liệu, cỏ chăn nuôi,…

- Liên kết sản xuất: có 3.468 ha, trong đó nhiều nhất là liên kết sản xuất giống lúa (3.335 ha), các cây trồng khác như: ớt, dâu tằm, ngô, lạc, mè, dược liệu được liên kết sản xuất với diện tích nhỏ (dưới 30 ha),…

- Về tích tụ ruộng đất: Một số địa phương tiếp tục thực hiện mô hình tích tụ ruộng đất (TTRĐ), với hơn 467 ha; trong đó, huyện Thăng Bình có diện tích tích tụ lớn nhất (Bình Đào, Bình Nam), tiếp đến là Điện Bàn, cây trồng được sản xuất là lúa, lạc. Ngoài ra tại các huyện như Duy Xuyên, Phú Ninh, Đại Lộc, Tiên Phước tích tụ để sản xuất rau, cây ăn quả, hoa (Điện Bàn)…

- Tình hình dịch hại: đa số các đối tượng sâu bệnh hại có diện tích nhiễm và mức độ gây hại thấp hơn so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, vẫn có nhiều đối tượng nổi lên (như chuột, bệnh đạo ôn, rầy nâu trên lúa ở cuối vụ; bệnh thối gốc mốc trắng trên lạc, bệnh héo xanh vi khuẩn trên rau màu các loại, bệnh chết nhanh, chết chậm trên cây tiêu...), nhưng nhờ công tác chỉ đạo được triển khai kịp thời, chuyển tải thông tin quản lý dịch hại đến với người dân bằng nhiều hình thức đã tác động tốt đến sản xuất và quản lý dịch hại; công tác phòng trừ kịp thời, hiệu quả.

Cơ cấu giống và thời vụ cơ bản được tuân thủ, trong đó, nhóm giống trung và ngắn ngày được sản xuất nhiều và vượt trội so với nhóm giống dài ngày. Cây lúa trong vụ sinh trưởng tốt, đồng đều, ít sâu bệnh nên năng suất cao, kể cả đối với lúa nước trời. Các loại cây trồng khác nhìn chung sinh trưởng và phát triển tốt, tình hình sâu bệnh trên đồng ruộng tương đối ổn định, thiệt hại do sâu bệnh gây ra không đáng kể. Nhiều loại rau, đậu thu hoạch vào dịp Tết Nguyên Đán bán được giá cao. Năng suất lúa, ngô, lạc đều xấp xỉ vụ Đông Xuân năm trước (vụ Đông Xuân 2017-2018 được đánh giá là được mùa nhất từ trước đến nay).

*1.2. Về chăn nuôi - thú y:*

- Tại thời điểm tháng 4/2019, tổng đàn gia súc giảm so với cùng kỳ năm 2018: đàn trâu: 62.500 con (giảm 2.350 con, tỷ lệ 3,6%, ), đàn bò: 174.000 con (giảm 7.500 con, tỷ lệ 4,1%), đàn lợn: 439.000 con (giảm 16.000 con, tỷ lệ 3,5%); đàn gia cầm tăng so cùng kỳ năm 2018: 6.600.000 con (trong đó, đàn gà đạt 5.120.000 con, tăng 190.000 con, tỷ lệ 3%). Số lượng trang trại chăn nuôi tăng 18 trang trại (01 trang trại bò, 06 trang trại lợn và 11 trang trại gia cầm) so với cùng kỳ năm 2018 ([[4]](#footnote-4))

- Từ cuối tháng 12/2018 đến nay, bệnh LMLM đã và đang xảy ra tại 156 hộ/58 thôn thuộc 37 xã, phường, thị trấn của 11 huyện, thị xã, thành phố ([[5]](#footnote-5)). Bên cạnh đó, bệnh LMLM còn được phát hiện ở cơ sở giết mổ gia súc tập trung ([[6]](#footnote-6)). Tổng số gia súc mắc bệnh 1.251 con ([[7]](#footnote-7)), trọng lượng tiêu hủy 26.137 kg. Đến ngày 03/4/2019, đã có 27/37 xã có gia súc mắc bệnh LMLM qua 21 ngày; còn 10 xã chưa qua 21 ngày ([[8]](#footnote-8)).

Trên địa bàn tỉnh xảy ra 01 ổ dịch cúm gia cầm do vi rút cúm A/H5N6 gây ra trên đàn gà nuôi thương phẩm của 02 hộ thuộc thôn 4, xã Tiên Thọ, huyện Tiên Phước (từ ngày 26/02 đến ngày 01/3/2019). Tổng số gà bị mắc bệnh, chết là 1.700 con; số gà tiêu hủy bắt buộc là 4.050 con. Sở Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo và cấp 10.000 liều vắc xin phòng bệnh cúm gia cầm A/H5N6 từ nguồn dự trữ của tỉnh để tiêm phòng bao vây ổ dịch tại huyện Tiên Phước. Đến nay, tình hình dịch bệnh cúm gia cầm trên địa bàn tỉnh đã ổn định.

Ngoài ra, bệnh hoại tử gan tụy cấp tính, đốm trắng cũng xảy ra rải rác ở tôm nuôi tại huyện Duy Xuyên và một số địa phương ven biển nhưng ở quy mô nhỏ, chưa lây lan ra diện rộng.

- Trước nguy cơ bệnh DTLCP xâm nhập vào Quảng Nam, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT, Sở Nông nghiệp và PTNT đã báo cáo và tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện các biện pháp ngăn chặn, phòng, chống dịch bệnh DTLCP (Công điện số 02/CĐ-UBND ngày 06/3/2019, Công điện số 03/CĐ-UBND ngày 12/9/2018...); Kiện toàn, phân công thành viên Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh động vật cấp tỉnh kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện công tác phòng, chống bệnh DTLCP ở cơ sở; xuất cấp 10.000 lít hóa chất sát trùng Benkocid và 50.000 liều vắc xin LMLM typ O từ nguồn dự trữ quốc gia cho các địa phương phòng, chống bệnh theo quy định.

Tham mưu UBND tỉnh thành lập 2 Chốt kiểm dịch động vật tạm thời tại 2 đầu mối giao thông của tỉnh, bố trí đầy đủ lực lượng thú y, quản lý thị trường, công an để tổ chức kiểm soát chặt chẽ 24/24 giờ đối với lợn và sản phẩm của lợn nhập vào và đi qua địa bàn tỉnh Quảng Nam *(Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 15/3/2019)*. Bên cạnh đó, đã thành lập các đoàn công tác đến các địa phương phối hợp hướng dẫn, đôn đốc công tác tổ chức phòng, ngăn chặn bệnh DTLCP; tổ chức họp giao ban với Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế, Trung tâm KTNN các huyện, thị xã, thành phố triển khai công tác phòng, chống bệnh DTLCP trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn phòng, chống bệnh DTLCP. Sở Giao thông vận tải có văn bản đề nghị Tổng Công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam lắp đặt biển chỉ hướng phân luồng giao thông và biển cấm các phương tiện chở lợn đi vào đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi tại các nút giao liên thông giữa đường cao tốc với các tuyến đường nhánh thuộc tuyến đường do tỉnh quản lý để ngăn chặn các phương tiện chở lợn vào địa bàn tỉnh Quảng Nam.

**2. Thủy sản**

*2.1. Khai thác thuỷ sản*

- Toàn tỉnh hiện có 4.399 tàu cá, tàu có khả năng hoạt động xa bờ (≥90cv) là 808 chiếc (tăng 25 chiếc so với tháng 12/2018). Tổng sản lượng khai thác thủy sản của Quý I/2019: 14.200 tấn, đạt 15,7% KH 2019.

- Công tác quản lý tàu cá, đăng ký, đăng kiểm tàu cá: đã cấp mới, gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (97 hồ sơ), Giấy phép khai thác thuỷ sản (cấp mới: 84 hồ sơ; gia hạn: 168 (hồ sơ), Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá (271 hồ sơ), Sổ danh bạ thuyền viên tàu cá (89 tàu). Tham mưu cấp Văn bản chấp thuận đóng mới tàu cá (146 văn bản), ký hợp đồng giám sát kỹ thuật đóng mới tàu cá (09 văn bản), Thanh lý Hợp đồng giám sát kỹ thuật đóng mới tàu cá (16 bản).

*2.2. Về nuôi trồng thuỷ sản:*

- Diện tích đang thả nuôi hiện tại khoảng 6.070 ha, trong đó nuôi nước lợ 1.220 ha; nuôi nước ngọt 4.850 ha; nuôi cá lồng 1900 lồng (nuôi lồng nước mặn, lợ: 450 lồng, nuôi lồng nước ngọt: 380 lồng).

- Sản lượng thu hoạch ước đạt 3.700 tấn/22.500 tấn KH (đạt 16,44% KH năm), trong đó: cá nước ngọt 1.900 tấn, sản lượng nuôi nước lợ 1.800 tấn.

*2.3. Triển khai các chính sách hỗ trợ ngư dân*

- Đã tham mưu UBND tỉnh quyết định phê duyệt 01 chủ tàu đủ điều kiện đóng mới tàu cá, cải hoán nghề khai thác 03 tàu cá ([[9]](#footnote-9)).

- Công tác triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ ngư dân (theo Quyết định 48/2010/QĐ-TTg) được tiến hành thường xuyên. Đồng thời theo dõi, vận hành trạm bờ của hệ thống thông tin liên lạc sóng HF tầm xa tích hợp thiết bị định vị GPS để tạo điều kiện thuận lợi cho ngư dân trong việc xác nhận vị trí tàu cá, làm cơ sở cho việc xây dựng hồ sơ đề nghị hỗ trợ. Nhìn chung, công tác này được triển khai kịp thời, đảm bảo công khai, dân chủ, minh bạch, đúng quy trình, nhận được sự đồng thuận của nhân dân, tạo ra tâm lý phấn khởi trong cộng đồng ngư dân, đóng góp đáng kể vào phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, bảo vệ an ninh quốc phòng, góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

**3. Lâm nghiệp:**

*3.1. Công tác phát triển rừng:*

Diện tích rừng trồng tập trung 3 tháng đầu năm ước đạt 2.320 ha, tăng 4,5%; số cây lâm nghiệp trồng phân tán ước đạt 3,17 triệu cây, tăng 2,9%; sản lượng gỗ khai thác 160 nghìn m3, tăng 7,0% so với cùng kỳ năm 2018.

- Đã tham mưu UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch trồng rừng gỗ lớn và quy định mức chi hỗ trợ công tác quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2019- 2020 ([[10]](#footnote-10)); chủ trương đầu tư Đề án “Hiện đại hóa, nâng cao năng lực giám sát tài nguyên rừng tỉnh Quảng Nam”; tham mưu Ban cán sự Đảng UBND tỉnh có báo cáo Tỉnh uỷ về mô hình, cách thức quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên phòng hộ, đặc dụng tỉnh Quảng Nam theo Nghị quyết 06-NQ/TU ngày 04/11/2016 của Tỉnh uỷ.

- Về thực hiện các chương trình, dự án lâm nghiệp: Tiếp tục triển khai thực hiện Dự án hành lang đa dạng sinh học Tiểu vùng sông Mê Công; Dự án Bảo vệ và quản lý tổng hợp các hệ sinh thái rừng Quảng Nam; Dự án bảo vệ và phát triển rừng tỉnh; Nghị định 75/2015/NĐ-CP; chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng với tổng diện tích giao khoán và khoanh nuôi bảo vệ theo kế hoạch 2019 là: 407.965 ha rừng. Riêng dự án Trường Sơn Xanh trong quý I/2019 đã triển khai thực hiện các nội dung: Hỗ trợ thực hiện Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh; hỗ trợ thực hiện các hoạt động mở rộng chi trả DVMTR; hỗ trợ thúc đẩy trồng rừng gỗ lớn theo hướng FSC; xây dựng kế hoạch quản lý và bảo tồn Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Voi; hỗ trợ hoàn thiện Đề án Voọc chà vá chân xám tại Tam Mỹ Tây, huyện Núi Thành; thành lập và vận hành Nhóm tuần tra thôn bản hỗ trợ quản lý tại KBT; xây dựng và thúc đẩy triển khai thực hiện kế hoạch hành động phục hồi rừng,..

- Về trồng rừng thay thế: Tổng diện tích trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh tính đến ngày 31/12/2018 là 2.012,64 ha, đạt 98,14% so với diện tích đã được UBND tỉnh phê duyệt phương án trồng rừng thay thế (2.050,75 ha); năm 2019 sẽ tiếp tục triển khai thực hiện đối với diện tích còn lại là 38,11 ha.

- Về cấp chứng chỉ rừng (FSC): Đến nay, diện tích rừng trồng được cấp chứng chỉ rừng trên địa bàn tỉnh là 3.019,19 ha; kế hoạch năm 2019 sẽ thực hiện cấp khoảng 5.500 ha.

- Công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và PCCC rừng: Đã tham mưu và thực hiện tốt Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 03/01/2019 về kiểm tra, truy quét, xử lý vi phạm Luật Lâm nghiệp trước, trong và sau Tết Nguyên đán Kỷ Hợi - năm 2019. Đã tổ chức trên 149 lượt tuần tra, truy quét về khai thác khoáng sản trái phép có xâm hại đến tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh; qua kiểm tra, tuần tra, truy quét đã phá hủy nhiều lán trại, phương tiện ([[11]](#footnote-11)) và đẩy đuổi nhiều đối tượng ra khỏi rừng; lập biên bản 163 vụ vi phạm (giảm 112 vụ so với cùng kỳ năm 2018), tịch thu tang vật ([[12]](#footnote-12)); khởi tố 02 vụ án hình sự (giảm 5 vụ so với cùng kỳ năm 2018); thu nộp ngân sách nhà nước hơn 709 triệu đồng.

Công tác dự báo cháy rừng được triển khai thực hiện ngay từ đầu mùa khô hanh năm 2018, phân công trực theo dõi PCCCR, đo đếm số liệu khí tượng tại các Trạm quan trắc để cung cấp thông tin cấp dự báo cháy rừng cho các địa phương, đơn vị, chủ rừng và nhân dân biết nhằm chủ động thực hiện. Do vậy, từ đầu năm đến nay trên địa bàn tỉnh chưa có vụ cháy rừng nào xảy ra.

**4. Phát triển nông thôn**

*4.1. Chương trình Xây dựng nông thôn mới và “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP):*

- Đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức Hội nghị sơ kết 3 năm (2016-2018) thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, triển khai phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện đến năm 2020; tổ chức sơ kết 01 năm thực hiện Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP).

- Về kết quả thực hiện Chương trình OCOP: Đến nay đã có 35 sản phẩm của 18 huyện, thị xã, thành phố đăng ký tham gia thực hiện Phương án thí điểm năm 2018 triển khai thực hiện ([[13]](#footnote-13)). Có 15 sản phẩm đạt từ hạng 3 sao trở lên được công nhận (4 sản phẩm xếp hạng 4 sao và 11 sản phẩm xếp hạng 3 sao) đủ điều kiện ([[14]](#footnote-14)), hiện nay đang đề nghị UBND tỉnh xem xét cấp Giấy công nhận xếp hạng sản phẩm OCOP (đợt 2); có 03 sản phẩm không đánh giá, xếp hạng ([[15]](#footnote-15)).

*4.2. Phát triển kinh tế hợp tác, HTX nông nghiệp:* Đến cuối năm 2018, toàn tỉnh có 251 HTXNN (trong đó có 17 HTX ngừng hoạt động lâu ngày, 03 HTX thành lập nhưng không hoạt động) tăng 53 HTX so với cuối năm 2017; trong đó, số HTX hoạt động kinh doanh tổng hợp là chủ yếu (chiếm 97,5%), số HTXNN hoạt động chuyên ngành chỉ chiếm 2,5%.

- Thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển HTX đã tham mưu UBND tỉnh đề nghị hỗ trợ phát triển kết cấu hạ tầng cho 6 HTX nông nghiệp ([[16]](#footnote-16)). Triển khai xây dựng kế hoạch về phát triển HTX, liên hiệp HTXNN hoạt động có hiệu quả và ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và tiêu thụ nông sản đến năm 2020 ([[17]](#footnote-17)).

- Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành văn bản để chỉ đạo xử lý dứt điểm HTX nông nghiệp yếu kém, ngừng hoạt động lâu ngày (Công văn số 946/UBND-KTN ngày 25/02/2019 của UBND tỉnh).

- Về liên kết sản xuất xây dựng cánh đồng lớn, đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt các ngành hàng, sản phẩm khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ([[18]](#footnote-18)); công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và PTNT về hỗ trợ dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo Nghị định 98 của Chính phủ). ([[19]](#footnote-19))

*4.3. Công tác dồn điền, đổi thửa (DĐĐT); tích tụ đất đai:* Tiếp tục thực hiện các nội dung theo Thông báo Kết luận số 298/TB-UBND ngày 17/8/2018 của UBND tỉnh tại Hội nghị tổng kết công tác dồn điền, đổi thửa đất nông nghiệp theo các cơ chế, chính sách của UBND tỉnh và nhiệm vụ, giải pháp thời gian đến, nhất là việc hướng dẫn các HTX và nông dân thực hiện liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp trong sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị, để hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung, nhằm nâng cao gia trị gia tăng đối với diện tích sau dồn điền đổi thửa. Bên cạnh đó, chú trọng việc học tập kinh nghiệm về tích tụ đất đai để vận dụng vào thực tế tại địa phương, trong lúc đang chờ tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Trung ương để tham mưu, hoàn chỉnh lại các báo cáo và dự thảo Nghị quyết về tích tụ đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hóa trình Ban thường vụ Tỉnh ủy xem xét, ban hành Nghị quyết.

*4.4. Công tác phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn:* Toàn tỉnh đến nay có 46 làng nghề, làng nghề truyền thống, trong đó có 30 làng nghề, làng nghề truyền thống được UBND tỉnh công nhận; hướng dẫn các địa phương chuẩn bị hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; đề xuất xây dựng Đề án, cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn; kiểm tra, đánh giá tình hình hoạt động của các làng nghề, nhất là việc hướng dẫn các làng nghề có sản phẩm hướng đến tham gia thực hiện chương trình OCOP ([[20]](#footnote-20)).

*4.5. Đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn:* Năm 2019 kinh phí phân bổ cho công tác đạo nghề trên địa bàn tỉnh là: 3.200 triệu đồng, chỉ tiêu đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn là 4.000 người. Hiện nay, các địa phương đang phối hợp với đơn vị đào tạo triển khai khảo sát nhu cầu, xây dựng kế hoạch mở lớp theo nhu cầu.

**5. Công tác khác (thủy lợi, quản lý chất lượng, quản lý giống và vật tư nông nghiệp)**

- Do đầu vụ có mưa nên các hồ chứa nước thủy lợi và thủy điện đều tích đủ nước, công tác thủy lợi phục vụ sản xuất thuận lợi và đảm bảo ([[21]](#footnote-21)). Ngoài ra, đã vận hành trạm bơm chống hạn An Lạc 2 và Quế Phú để tưới khoảng 300 ha của xã Hương An, huyện Quế Sơn và Bình Giang, huyện Thăng Bình; nạo vét kênh dẫn, bể hút trạm bơm Ái Nghĩa, Cẩm Văn, Thái Sơn, Đông Quang, La Thọ, Đông Hồ.

- Thường xuyên và tăng cường công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức của người tiêu dùng và các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất về công tác ATTP và sản xuất liên kết theo chuỗi bằng nhiều hình thức ([[22]](#footnote-22)).

- Duy trì thường xuyên công tác thanh tra, kiểm tra giống và vật tư nông nghiệp đảm bảo thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

**III. Đánh giá chung và một số tồn tại, hạn chế**

**Đánh giá chung**: Tình hình sản xuất nông, lâm, thủy sản vụ Đông Xuân 2018- 2019 cơ bản đã đạt kế hoạch đề ra: Sản xuất trồng trọt được mùa, năng suất và sản lượng nhiều loại cây trồng đạt cao xấp xỉ cùng kỳ năm trước; tình hình chăn nuôi cơ bản ổn định, sản lượng thịt hơi, trứng đều đạt khá; sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản, các chỉ tiêu sản xuất lâm nghiệp đều tăng hơn cùng kỳ. Công tác chỉ đạo sản xuất Đông Xuân 2018- 2019đã nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của UBND tỉnh, lãnh đạo Sở Nông nghiệp & PTNT, sự ủng hộ phối hợp chặt chẽ của các địa phương, ban ngành.

Bên cạnh đó, đối với sản xuất vẫn còn những tồn tại, hạn chế cần phải rút kinh nghiệm trong chỉ đạo, điều hành đó là:

- Việc thực hiện chủ trương Tái cơ cấu ngành còn chưa được quan tâm thật sự, đầu tư thực hiện chưa đúng mức nên kết quả tái cơ cấu trên tất cả các lĩnh vực còn thấp (tuy giá trị sản xuất hằng năm tăng bình quân trên 5%). Sản xuất nông sản an toàn, có thể truy xuất nguồn gốc còn ít, sức cạnh tranh sản phẩm còn kém, chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

- Tiến độ tiêm phòng đợt chính (đợt 1) đạt thấp, do nhiều nguyên nhân trong đó có nguyên nhân do thiếu vắc-xin LMLM typ O. Việc tổ chức giám sát, nắm bắt thông tin và báo cáo tình hình dịch bệnh từ huyện đến xã, thôn chưa được chủ động, kịp thời; việc vệ sinh, tiêu độc khử trùng môi trường chăn nuôi không được thực hiện thường xuyên. Một số Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp cấp huyện chưa chủ động trong việc kiểm tra, xử lý thông tin dịch bệnh ở địa phương. Không có mạng lưới thú y cấp huyện được ủy quyền làm kiểm dịch vận chuyển động vật, sản phẩm động vật để kiểm tra, kiểm soát việc nhập lợn vào địa bàn để chăn nuôi, giết mổ và tham mưu xử phạt theo quy định... Việc tham mưu đề nghị cấp kinh phí thực hiện công tác phòng, chống bệnh DTLCP (trong đó có kinh phí tuyên truyền, kinh phí mua hóa chất tổ chức tiêu độc khử trùng) mất nhiều thời gian, chưa kịp thời.

- Quản lý bảo vệ rừng vẫn còn gặp nhiều khó khăn, trong đó nổi cộm là tình trạng khai thác gỗ trái phép ảnh hưởng xấu đến môi trường và trật tự an toàn xã hội.

- Năng lực khai thác cho các tàu cá được nâng cao và phát huy hiệu quả, song vẫn còn gặp khó khăn trong thực hiện phát triển chính sách thủy sản (công tác thu hồi nợ).

- Thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) là chương trình hoàn toàn mới nên bước đầu còn lúng túng; một số cơ chế, chính sách mới của Trung ương ban hành trong năm 2018 *(như: Nghị định 52/2018/NĐ -CP ngày 12/4/2018 về phát triển ngành nghề nông thôn, Nghị định 116/2018/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn (sửa đổi); Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 5/7/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp...)* vẫn chưa triển khai được, vì còn chờ các văn bản quy định, hướng dẫn cụ thể.

***Phần thứ hai***

**TRIỂN KHAI SẢN XUẤT VỤ HÈ THU 2019**

**I. NhỮng chỈ tiêu SẢN XUẤT chỦ yẾu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| - Tổng sản lượng lương thực cây có hạt | : | 261.000 | tấn. |
| Trong đó: + Lúa | : | 217.000 | tấn. |
| + Ngô : 44.000 tấn | | | |
| - Diện tích gieo trồng một số loại cây trồng: | | | |
| + Cây lúa | : | 42.000 | ha. |
| + Cây ngô | : | 8.500 | ha. |
| + Cây lạc | : | 2.500 | ha |
| + Cây mè | : | 2.500 | ha |

- Sản lượng thủy sản: 95.100 tấn/113.000 tấn KH năm.

**II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN**

Tập trung các biện pháp tổ chức sản xuất và liên kết theo chuỗi nông sản; tiếp tục đẩy mạnh chương trình “mỗi xã một sản phẩm”; xúc tiến hỗ trợ doanh nghiệp, HTX đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; các mô hình chuyển giao khoa học công nghệ, ứng dụng sản xuất thực hành nông nghiệp tốt (GAP), nông nghiệp công nghệ cao; tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các cơ chế chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn vùng Tây (5 nhóm giải pháp) gắn với thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia (xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo); phát triển thủy sản; nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước trên lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh.

1. **Nông nghiệp**

Theo dự báo thời tiết và tình hình nguồn nước trên địa bàn Quảng Nam, nguy cơ xảy ra hạn hán thiếu nước, mặn có thể xâm nhập sớm trong vụ Hè Thu 2019 là khó tránh khỏi. Lãnh đạo Tỉnh đã chỉ đạo ngành Nông nghiệp và các đơn vị liên quan tập trung mọi điều kiện, nguồn lực để ứng phó, khắc phục kịp thời có hiệu quả những diễn biến thời tiết, thủy văn nguy hiểm có thể xảy ra ở vụ Hè Thu.

*1.1. Trồng trọt:*

a) Cây lúa: *(Theo Hướng dẫn Lịch thời vụ, cơ cấu giống lúa; hướng dẫn chuyển dổi cây trồng trên đất lúa và sản xuất an toàn vụ Hè Thu 2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành)*.

- Ngay sau khi thu hoạch lúa Đông Xuân tranh thủ đất còn đủ ẩm, cày lật đất để phơi ải. Hướng dẫn và phổ biến rộng rãi đến nông dân thực hiện nghiêm túc lịch thời vụ và cơ cấu giống của Tỉnh ban hành, sử dụng nước tưới tiết kiệm, sản xuất nhanh gọn, thu hoạch nhanh, tập trung để tránh thất thu khi gặp thời tiết xấu.

Sử dụng các giống trung ngày, ngắn ngày (như HT1, PC6, KD18, BC15, TH3-3, TH3-5...) để lúa trổ trước 10/8/2019, ***thu hoạch xong trước 05/9/2019, chậm nhất 10/9/2019***. Tuỳ theo TGST của từng giống, bố trí ***gieo sạ từ ngày 20/5/2019 đến ngày 05/6/2019, lúa trổ từ ngày 25/7 đến 10/8.***

Vùng sử dụng nước Phú Ninh và một số vùng đặc thù khác do thiếu nguồn nước nên bắt đầu mở nước từ 25/5/2019 phải dùng giống lúa có thời gian sinh trưởng dưới 90 ngày để kịp ***sạ từ ngày 1/6 trở đi, thu hoạch xong trước ngày 10/9***.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra giống (và các loại vật tư nông nghiệp khác) để phát hiện xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm hàng giả hoặc kém phẩm chất trước khi vào vụ.

- Theo dõi chặt chẽ sự phát sinh và gây hại của các đối tượng dịch hại ngay từ đầu vụ, đặc biệt các đối tượng dịch hại nguy hiểm như: rầy nâu + RLT, bệnh lùn sọc đen,..., để triển khai các biện pháp phòng trừ có hiệu quả. Cùng với việc duy trì, mở rộng thực hiện chương trình IPM theo quy mô thôn, chương trình “1 phải 5 giảm”, “3 giảm, 3 tăng” gieo sạ với mật độ thưa, bón phân cân đối; chú trọng bón vôi để khử chua, phèn cho đất.

b) Cây trồng khác:

Tập trung chỉ đạo chuyển đổi tăng diện tích cây trồng cạn, từ chân ruộng lúa để nâng cao hiệu quả sản xuất, để sử dụng tiết kiệm nước tưới, đưa vào sản xuất các giống cây trồng ngắn ngày, các giống chịu hạn tốt để ứng phó tốt với diễn biến thời tiết bất lợi (hạn, hoặc mưa lụt đến sớm). Đặc biệt lưu ý những vùng khó tưới, không chủ động nước tưới chuyển mạnh sang trồng các loại cây màu như ngô, lạc, đậu xanh, mè...

Tổ chức sản xuất hình thành các vùng chuyên canh gắn với việc tổ chức tích tụ đất đai, liên kết sản xuất với các doanh nghiệp (ngô, đậu xanh, lạc, mè, dưa hấu, dưa gang, rau cải...);

Triển khai các mô hình liên kết sản xuất, ứng dụng công nghệ cao cho các loại cây trồng, đặc biệt mô hình khôi phục và phát triển dâu tằm (Điện Bàn). Phối hợp xúc tiến các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch đã và đang nghiên cứu đầu tư.

Theo dõi tình hình diễn biến thời tiết và dự lường tình huống có mưa lũ Tiểu Mãn (trước sau 21/5) để có biện pháp ứng phó kịp thời, nhằm hạn chế thấp nhất thiệt hại.

Chỉ đạo phát huy và mở rộng các vùng sản xuất rau an toàn theo hướng VietGAP, ứng dụng các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ; tập huấn và tuyên truyền nông dân hạn chế sử dụng phân vô cơ và thuốc BVTV trên rau màu thực phẩm.

c) Một số giải pháp khắc phục tình hình hạn hán trong sản xuất

- Tổ chức tập huấn, thông tin tuyên truyền về tình hình hạn hán, hướng dẫn sử dụng tiết kiệm nước trước khi vào vụ sản xuất kết hợp tổ chức việc khơi thông dòng chảy tại các sông suối, trạm bơm và thực hiện các phương án chống hạn khác nhằm triệt để sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước mặt.

- Chỉ đạo các đơn vị quản lý các hồ chứa nước tính toán, cân đối khả năng nguồn nước, qua đó xây dựng kế hoạch điều tiết nước phù hợp. Tăng cường công tác quan trắc độ mặn, trước và trong vụ sản xuất để đảm bảo an toàn nguồn nước tưới cho cây trồng. Đối với vùng khó khăn về nguồn nước, chuyển đổi sang trồng ngô, lạc và các loại cây trồng cạn khác phù hợp và có hiệu quả kinh tế cao.

- Làm đất và gieo sạ nhanh, tập trung để dễ bố trí trong việc tưới đổ ải và tiết kiệm nước. Bố trí cơ cấu chủ lực các giống trung, ngắn ngày có chất lượng, năng suất cao kết hợp với các biện pháp canh tác như làm đất, bón phân, phòng trừ sâu bệnh theo quy trình hướng dẫn; áp dụng các tiến bộ kỹ thuật như các chương trình IPM, ICM, “1 phải, 5 giảm”, SRI... nhằm giảm chi phí đầu tư, tăng hiệu quả sản xuất, bảo vệ môi trường, gieo sạ với mật độ thích hợp, bón phân cân đối; tăng cường bón vôi để khử chua, phèn cho đất để tăng năng suất, sản lượng cân đối bù trừ cho các diện tích bị hạn nặng.

Khuyến cáo nông dân thu hoạch lúa Đông Xuân 2018 - 2019 đến đâu làm đất ngay đến đó, những vùng có điều kiện nên cày phơi ải để hạn chế cỏ dại, đồng thời cắt cầu nối một số sâu bệnh chuyển vụ. Tổ chức diệt chuột, OBV ngay từ đầu vụ bằng nhiều biện pháp.

*1.2. Về phát triển chăn nuôi và phòng chống dịch bệnh:*

- Tiếp tục tham mưu chỉ đạo và triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách phát triển chăn nuôi tập trung phù hợp với tình hình hiện nay tại địa phương ([[23]](#footnote-23)).

- Tổ chức thực hiện nghiêm các nội dung về phòng và chống dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP), bệnh LMLM ([[24]](#footnote-24)):

+ Tăng cường giám sát đến tận hộ chăn nuôi lợn, phát hiện sớm các trường hợp lợn mắc bệnh; thực hiện lấy mẫu gửi chẩn đoán xét nghiệm bệnh; xử lý tiêu hủy triệt để ổ dịch DTLCP khi mới phát sinh trên địa bàn trong vòng 24 tiếng đồng hồ kể từ khi có kết quả xét nghiệm dương tính với vi rút DTLCP và thực hiện tiêu hủy lợn đối với các hộ chăn nuôi trong cùng địa phương cấp thôn theo quy định; khoanh vùng ổ dịch, vệ sinh tiêu độc khử trùng...

+ Tổ chức tiêm phòng triệt để cho đàn lợn, tiêu độc khử trùng môi trường chăn nuôi trên địa bàn toàn tỉnh nhằm khống chế bệnh LMLM và phòng, chống bệnh DTLCP. Thời gian thực hiện tháng vệ sinh, tiêu độc khử trùng từ ngày 15/4 đến ngày 15/5/2019.

+ Các địa phương khẩn trương thành lập Đội kiểm tra liên ngành để tăng cường kiểm tra, kiểm soát việc giết mổ, vận chuyển, nhập lợn vào địa bàn nhất là tại các đầu mối giao thông giáp ranh với các tuyến đường quốc lộ, các điểm trung chuyển lợn trái phép... Xử lý các hành vi vi phạm theo quy định. Sử dụng nguồn kinh phí của địa phương để mua thêm vôi bột cùng với lượng hóa chất của tỉnh cấp triển khai thực hiện tháng vệ sinh tiêu độc khử trùng đồng bộ trên địa bàn toàn tỉnh.

**2. Thuỷ sản**

- Hoàn chỉnh Phương án sắp xếp nuôi trồng thủy sản vùng Đông trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2019-2030 trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Tiếp tục triển khai các cơ chế, chính sách phát triển thủy sản của Trung ương, của tỉnh vào sản xuất ([[25]](#footnote-25)).

- Tăng cường công tác đăng ký, đăng kiểm tàu cá, rà soát, kiểm tra, cấp giấy phép khai thác thuỷ sản cho tàu cá trong tỉnh; tăng cường công tác quản lý khai thác thủy sản và đảm bảo cho người và tàu cá hoạt động trên biển; thực hiện chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác và nguyên liệu thủy sản khai thác theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân theo quy định.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra trong lĩnh vực khai thác và nuôi trồng thủy sản; kiểm tra, phân loại về điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm đối với tàu cá từ 15 m trở lên; các cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư (giống, thức ăn, hóa chất, chế phẩm sinh học...) dùng trong NTTS theo quy định.

- Tiếp tục triển khai, giám sát môi trường, dịch bệnh trên tôm nuôi. Giám sát vùng nuôi, theo dõi, nắm bắt tình hình về dịch bệnh để có hướng dẫn, chỉ đạo kịp thời.

- Tích cực xúc tiến mạnh và phát huy hiệu quả đầu tư khu sản xuất giống thủy sản Bình Nam, khu nuôi trồng thủy sản tập trung Tam Tiến.

**3. Thủy lợi và xây dựng cơ bản**

- Ngay sau khi kết thúc tưới vụ Đông Xuân, các đơn vị quản lý công trình thủy lợi kiểm tra và thực hiện tích nước các hồ chứa, tập trung sửa chữa đối với các cửa cống bị hư hỏng, rò rỉ. Tổ chức nạo vét, phát dọn kênh mương tưới và bể hút các trạm bơm điện bị bồi lấp, nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nước trên các sông.

- Thường xuyên quan trắc tình hình xâm nhập mặn tại các sông (Thu Bồn, Vĩnh Điện, Bàn Thạch,...) để có biện pháp phù hợp, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức Hợp tác dùng nước tăng cường công tác kiểm tra đồng ruộng, điều tiết dẫn nước trên hệ thống kênh tưới nhằm cấp nước kịp thời phục vụ sản xuất; thực hiện nghiêm túc các biện pháp tưới tiết kiệm trong điều kiện nguồn nước bị thiếu hụt.

- Tổ chức theo dõi tình hình thời tiết, nguồn nước tại các hồ chứa thủy lợi, thủy điện; sớm triển khai phương án phòng, chống hạn và nhiễm mặn vụ Hè Thu năm 2019. Thực hiện biện pháp đắp đập tạm ngăn mặn, giữ ngọt trên một số nhánh sông có nguy cơ nhiễm mặn; đắp đập bổi chống hạn ở miền núi; thực hiện vận hành tăng cường các trạm bơm điện cố định nhằm tận dụng nguồn nước từ các sông.

- Phối hợp với các nhà máy thủy điện (Sông Tranh 2, A Vương, Sông Bung 4 và Đak Mi 4...) thực hiện báo cáo định kỳ hàng tuần, xây dựng kế hoạch vận hành xả nước qua phát điện phù hợp, tiết kiệm đảm bảo phục vụ cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp.

- Tiếp tục tổ chức triển khai các phương án liên kết sản xuất, kết nối với các vùng chuyển đổi cây trồng, vùng sản xuất chuyên canh công nghệ cao, các dự án nông nghiệp công nghệ cao trọng điểm vùng Đông.

- Tiếp tục thực hiện cơ chế phát triển KCKM, thủy lợi đất màu, thủy lợi nhỏ của tỉnh; dự án hạ tầng phục vụ sản xuất, nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

**4. Lâm nghiệp**

- Tăng cường các biện pháp quản lý, bảo vệ rừng (Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/11/2016 của Tỉnh ủy ) ([[26]](#footnote-26)), chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh (Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ). Chỉ đạo triển khai xây dựng Quy chế phối hợp trong công tác quản lý bảo vệ rừng vùng giáp ranh các huyện trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức và chỉ đạo thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững ([[27]](#footnote-27)), trồng rừng thay thế; kế hoạch trồng rừng gỗ lớn gắn với cấp chứng chỉ rừng.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát chất lượng giống cây lâm nghiệp; Chỉ đạo các vườn ươm chăm sóc cây giống lưu vườn và chuẩn bị các điều kiện để gieo tạo cây con phục vụ kế hoạch trồng rừng, chăm sóc rừng trồng năm 2019.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số năm 2019 ([[28]](#footnote-28)).

- Tập trung, đẩy mạnh việc triển khai thực hiện quy hoạch và cơ chế bảo tồn và phát triển cây dược liệu, cây quế, về cho thuê môi trường rừng để trồng dược liệu, lâm sản ngoài gỗ và kinh doanh du lịch sinh thái phát triển kinh tế xã hội miền núi ([[29]](#footnote-29)). Hoàn thành việc rà soát, thiết lập các đai rừng phòng hộ ven biển tỉnh Quảng Nam đến 2020, tầm nhìn đến 2030.

- Tổ chức rà soát các cơ sở chế biến gỗ trên địa bàn, kiên quyết thu hồi hoặc đề nghị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với các hộ kinh doanh, doanh nghiệp có vi phạm về địa điểm chế biến gỗ theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản luật liên quan.

- Tham mưu UBND tỉnh tiếp tục triển khai việc cắm mốc ranh giới các Khu bảo tồn: Ngọc Linh, Voi, rừng đặc dụng Cù Lao Chàm và diện tích rừng tự nhiên hiện do UBND xã quản lý; tổ chức triển khai có hiệu quả Đề án “Hiện đại hóa, nâng cao năng lực giám sát tài nguyên rừng tỉnh Quảng Nam” theo quyết định chủ trương đầu tư đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Tham mưu UBND tỉnh kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 24/01/2019 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 46/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh về Quy định định mức hỗ trợ công tác QLBVR tự nhiên trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2019-2020.

- Phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn thiện và tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt, ký ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình REDD+ tỉnh Quảng Nam.

- Phối hợp với các Tổ chức Quốc tế triển khai thực hiện các dự án tài trợ như: Dự án Trường Sơn xanh nhằm tăng cường công tác bảo tồn các hệ sinh thái rừng, đa dạng sinh học và hỗ trợ phát triển sinh kế cho người dân vùng đệm các Khu bảo tồn trên địa bàn tỉnh; dự án giám sát đa dạng sinh học tại các Khu bảo tồn: Sông Thanh, Sao la; dự án Mây Keo tre bền vững, dự án tăng cường năng lực chống chịu với tác động của BĐKH cho các cộng đồng cư dân ven biển (GCF), dự án phát triển rừng bền vững (KfW10)...

**5. Phát triển nông thôn**

- Phối hợp với Văn phòng Điều phối tỉnh tiếp tục tổ chức rà soát, đánh giá các tiêu chí đối với các xã phấn đấu đạt chuẩn NTM năm 2019, xây dựng kế hoạch, lộ trình và cân đối nguồn lực để chỉ đạo thực hiện đạt mục tiêu đề ra. Tiếp tục chỉ đạo duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM đối với các xã đã đạt chuẩn NTM để cuối năm 2019 theo quy định. Tập trung hướng dẫn xây dựng các “Khu dân cư NTM kiểu mẫu”; hỗ trợ thôn, xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững.

- Đẩy mạnh triển khai Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm”; tiếp tục tư vấn, hỗ trợ trực tiếp cho chủ thể sản xuất tham gia Chương trình OCOP để mở rộng/nâng cấp/phát triển sản phẩm; tập trung xây dựng/nâng cấp các điểm bán hàng OCOP, trung tâm OCOP cấp huyện, cấp tỉnh; hỗ trợ các hoạt động phát triển đối tác trong Chương trình OCOP; tham mưu ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện chương trình; tổ chức đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP và triển khai thực hiện công tác xúc tiến thương mại theo chu trình OCOP thường niên.

- Thực hiện các chính sách phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn; làng nghề truyền thống gắn với du lịch ([[30]](#footnote-30)). Tiếp tục tăng cường kiểm tra, giám sát công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; đào tạo nghề nông nghiệp hướng đến các sản phẩm OCOP.

- Tham mưu ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích hỗ trợ theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 5/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Đối với cơ chế tích tụ đất đai, tiếp tục theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện thí điểm tại các địa phương; theo dõi, tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Trung ương để tham mưu, hoàn chỉnh lại các báo cáo và dự thảo Nghị quyết về tích tụ đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hóa trình Tỉnh ủy xem xét, ban hành Nghị quyết.

- Triển khai thực hiện chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp nông thôn theo Nghị định số 116/2018/NĐ-CP của Chính phủ; các chính sách về cơ giới hóa nông nghiệp theo Nghị định số 68/2015/NĐ-CP.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước, thực hiện các chính sách về phát triển HTX nông nghiệp, với chỉ đạo chuyển đổi hoạt động có hiệu quả thông qua việc liên kết, hoặc liên doanh sản xuất, gắn với tích tụ đất đai, xây dựng cánh đồng lớn; Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã ([[31]](#footnote-31)). Đánh giá và thẩm định Tiêu chí số 13 về hình thức tổ chức sản xuất.

- Tập trung triển khai thực hiện đầu tư xây dựng dự án khu TĐC, tổ chức di dời các hộ dân vùng thiên tai bị uy hiếp nhằm triển khai thực hiện tốt Nghị quyết 05-NQ/TU của Tỉnh uỷ Quảng Nam.

- Tiếp tục hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới. Tham mưu thực hiện tốt chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn; liên kết phát triển sản xuất.

**6. Đẩy mạnh cải cách hành chính, xúc tiến hỗ trợ đầu tư, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ngành**

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong công tác thủ tục đầu tư, thẩm định, thực hiện tốt công tác xúc tiến đầu tư hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND. Củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy theo chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh nhằm đảm bảo cho công tác chỉ đạo điều hành được thuận lợi và hiệu quả.

- Tiếp tục chú trọng công tác xúc tiến đầu tư lĩnh vực sản xuất nông nghiệp trên cơ sở các cơ chế, chính sách của Trung ương và địa phương để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực này, đặc biệt là trong lĩnh vực sản xuất, chế biến sản phẩm từ cây dược liệu (Đảng sâm, Sa nhân, Ba kích tím, Đinh lăng...).

- Tăng cường theo dõi và chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ Chương trình giám sát chất lượng các sản phẩm nông lâm, thủy sản và Chương trình Mục tiêu về Y tế - Dân số năm 2019.

- Dựa trên kinh nghiệm, quy trình thực hiện OCOP, ứng dụng cho sản xuất các loại nông sản - nhất là các nông sản chủ lực, xuất khẩu - có chứng nhận an toàn chất lượng, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc (QR Code). Đồng thời, thúc đẩy mạnh liên kết sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ và công nghiệp chế biến để nâng cao giá trị sản phẩm. Tiếp tục xây dựng kế hoạch và hỗ trợ phát triển các chuỗi mới để kết nối cung cấp sản phẩm an toàn cho TP Đà Nẵng và các tỉnh khác.

- Đẩy mạnh các biện pháp quản lý nhà nước về vật tư nông nghiệp và chất lượng nông lâm thủy sản; kiểm tra, thanh tra kinh doanh vật tư nông nghiệp, giống (nông, lâm, thủy sản), điều kiện vệ sinh thú y, điều kiện sản xuất kinh doanh các cơ sở kinh doanh thuốc (BVTV, thú y, thủy sản) thức ăn chăn nuôi, thủy sản, chế phẩm sinh học; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm, gian lận thương mại trong việc mua bán thực phẩm, nông sản.

Trên đây là Báo cáo đánh giá kết quả sản xuất vụ Đông Xuân 2018 - 2019 và triển khai sản xuất vụ Hè Thu 2019 trên địa bàn toàn tỉnh. Đề nghị các địa phương tiến hành đánh giá kết quả sản xuất cụ thể, sát đúng với tình hình thực tế của địa phương, phân tích những nguyên nhân đạt được, tồn tại để rút kinh nghiệm trong quản lý, chỉ đạo điều hành. Sản xuất Hè Thu 2019 được dự báo là vụ có nhiều khả năng khô hạn và khó lường đối với sản xuất trên các lĩnh vực; các đơn vị trực thuộc Sở theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với các địa phương chỉ đạo, hướng dẫn sản xuất, thực hiện thắng lợi kế hoạch vụ sản xuất Hè Thu 2019, góp phần hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất chung cả năm đã đề ra./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận*:**  - Tỉnh ủy (báo cáo);  - TTHĐND, UBND tỉnh (báo cáo);  - Bộ NN&PTNT (báo cáo);  - Các Cục, TC: TT, CN, LN, TS, TL (báo cáo);  - Các Sở, ban ngành, đoàn thể;  - UBND các huyện, thị xã, TP;  - Phòng NN&PTNT, KTế các huyện, TX, TP;  - Lưu VT, KH-TC . | **KT. GIÁM ĐỐC**  **PHÓ GIÁM ĐỐC**  **Lê Muộn** |

1. () Đặc biệt đợt mưa lớn trên diện rộng từ ngày 08/12 - 11/12/2018 (vùng núi và trung du phổ biến 150 - 350 mm, vùng đồng bằng ven biển từ 800 - 1.000 mm) [↑](#footnote-ref-1)
2. () Tổng lượng mưa trong tháng 12/2018, 1/2019 cao hơn giá trị TBNN, còn tháng 02/2019 và 3/2019 thấp hơn giá trị TBNN; nền nhiệt độ tương đối cao, cao hơn giá trị TBNN 1,5 - 2,50C. [↑](#footnote-ref-2)
3. () Đã xảy ra tại 529 xã, 96 huyện của 23 tỉnh, thành phố: Hưng Yên, Thái Bình, Hải Phòng, Thanh Hóa, Hà Nội, Hải Dương, Hà Nam, Hòa Bình, Điện Biên, Thái Nguyên, Quảng Ninh, Ninh Bình, Nam Định, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Sơn La, Nghệ An, Bắc Ninh, Thừa Thiên Huế, Lai Châu, Bắc Giang, Quảng Trị, Vĩnh Phúc, với tổng số lợn bệnh và tiêu hủy bắt buộc là 82.181 con: [↑](#footnote-ref-3)
4. () Hiện có 176 trang trại chăn nuôi, trong đó: 01 trang trại chăn nuôi bò, 76 trang trại chăn nuôi lợn, 98 trang trại chăn nuôi gia cầm và 01 trang trại chăn nuôi thỏ. [↑](#footnote-ref-4)
5. () Bao gồm: Đại Lộc (11 xã), Điện Bàn (06 xã, phường), Duy Xuyên (03 xã), Thăng Bình (05 xã), Tam Kỳ (01 xã), Quế Sơn (02 xã), Phước Sơn (02 xã), Hiệp Đức (02 xã), Tiên Phước (02 xã), Tây Giang (02 xã), Nông Sơn (01 xã) [↑](#footnote-ref-5)
6. () CSGM Núi Thành huyện Núi Thành và CSGM Trường Xuân thành phố Tam Kỳ [↑](#footnote-ref-6)
7. () Gồm 85 con trâu, 132 con bò, 1.034 con lợn, trong đó: số gia súc mắc bệnh chết, tiêu hủy bắt buộc theo quy định là 656 con (03 con bò, 653 con lợn) [↑](#footnote-ref-7)
8. () Điện Bàn 03 xã, Thăng Bình 03 xã, Tiên Phước 02 xã, Duy Xuyên 01 xã, Hiệp Đức 01 xã. [↑](#footnote-ref-8)
9. ()Thực hiện Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, Nghị định 17/2018/NĐ-CP của Chính phủ. [↑](#footnote-ref-9)
10. () Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 03/01/2019 của UBND tỉnh về phê duyệt Kế hoạch trồng rừng gỗ lớn theo Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 24/01/2019 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 46/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh về quy định mức chi hỗ trợ công tác quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2019- 2020; [↑](#footnote-ref-10)
11. () 04 máy nổ, 16 máy hơi, 17 máy xay đá, 20 khẩu súng tự chế, 06 xe rùa, 03 thân máy nổ, 01 máy khoan đá, 04 bàn đẩy đá, 27 lán trại, 2.500 m ống dây dẫn nước, 380 lít dầu điezen [↑](#footnote-ref-11)
12. () Tang vật, phương tiện tịch thu gồm: 01 xe mô tô; 01 xe bò; 03 cưa xăng; 79,337 m3 gỗ xẻ; 18,24 m3 gỗ tròn; 134,5 kg động vật rừng các loại; diện tích rừng thiệt hại 1,8 ha và nhiều tang vật, phương tiện khác. [↑](#footnote-ref-12)
13. () Trong đó: Thực phẩm (03 sản phẩm); Đồ uống có cồn (04 sản phẩm); Đồ uống không có cồn (05 sản phẩm); Thảo dược (03 sản phẩm); Vải và may mặc (01 sản phẩm); Lưu niệm - nội thất - trang trí (01 sản phẩm); Dịch vụ du lịch nông thôn (01 sản phẩm). Về chủ thể: Có 33 chủ thể thuộc các loại hình như sau: Công ty Cổ phần (01, chiếm 3,03%); Công ty TNHH (03, chiếm 9,09 %); Hợp tác xã (16, chiếm 48,49 %); Tổ hợp tác (01, chiếm 3,03%); DNTN (chiếm 0,00 %); Hộ SX-KD (12, chiếm 36,36 %). [↑](#footnote-ref-13)
14. () UBND tỉnh ra quyết định công nhận đợt 01 (tại Quyết định số 365/QĐ-UBND ngày 31/01/2019); [↑](#footnote-ref-14)
15. () Trong đó: Có 01 sản phẩm cần xem xét lại tính phù hợp giữa hồ sơ dự thi và điều kiện sản xuất thực tế (Thịt heo sạch Thảo mộc PIGECO - HTXNN sạch Quế Sơn). Có 02 sản phẩm không đủ điều kiện đánh giá, xếp hạng là rượu Ba Kích và rượu Đảng sâm của huyện Tây Giang, đề nghị UBND huyện làm việc với Sở Y tế (Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm) để hướng dẫn chủ thể về thủ tục công bố sản phẩm theo đúng quy định. [↑](#footnote-ref-15)
16. () Gồm: HTXNN Điện Thọ II (Điện Bàn); HTXNN Quế Phú (Quế Sơn); HTX dịch vụ nông nghiệp 1 Tam Thành (Phú Ninh); HTXNN Duy Phước (Duy Xuyên); HTXNN Phú Đông (Núi Thành); HTXNN KDDV Tiền Phong (Tiên Phước), với 1.300 triệu đồng từ nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư năm 2019 theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ [↑](#footnote-ref-16)
17. () Thực hiện Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 27/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển 15.000 HTX, liên hiệp HTXNN hoạt động có hiệu quả và Kế hoạch phát triển HTX ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và tiêu thụ nông sản đến năm 2020. [↑](#footnote-ref-17)
18. () Quyết định số 3420/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam về phê duyệt ngành hàng, sản phẩm khuyến khích ưu tiên hỗ trợ thực hiện. [↑](#footnote-ref-18)
19. () Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và PTNT (nội dung hỗ trợ dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo Nghị định 98 của Chính phủ). [↑](#footnote-ref-19)
20. () Theo quy định tại Quyết định 19/2015/QĐ-UBND ngày 9/7/2015 của UBND tỉnh Quảng Nam và Nghị định 52 của Chính phủ. [↑](#footnote-ref-20)
21. () Kết quả tưới vụ Đông Xuân năm 2018-2019 được trên 39.000 ha; trong đó: Lúa 36.904 ha, màu: 2.240 ha; Nuôi trồng thủy sản: 37,50 ha. [↑](#footnote-ref-21)
22. () Đã tổ chức 01 đợt thanh tra, kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi và mùa Lễ hội Xuân 2019 từ ngày 08/01/2019 đến 17/01/2019, thanh tra, kiểm tra 14 cơ sở () và xử lý các cơ sở vi phạm theo quy định của pháp luật về ATTP. Thường xuyên giám sát ô nhiễm sinh học và tồn dư hóa chất trong sản phẩm nông sản, thủy sản, trong quý I/2019 đã lấy 22 mẫu thủy sản gồm (10 mẫu tôm thẻ chân trắng, 12 mẫu thủy sản khai thác) để phân tích các chỉ tiêu ATTP. [↑](#footnote-ref-22)
23. () Trong đó, tiếp tục nghiên cứu tham mưu UBND tỉnh phương án thí điểm hỗ trợ chăn nuôi miền núi thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 17/8/2016 của Tỉnh ủy Quảng Nam. [↑](#footnote-ref-23)
24. () Tại Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 20/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 4527/QĐ-BNN-TY ngày 15/11/2018, Công điện khẩn số 1237/CĐ-BNN-TY ngày 22/02/2019, Công văn số 1960/BNN-TY ngày 20/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Công điện số 02/CĐ-UBND ngày 06/3/2019 và Công văn số 1623/UBND-KTN ngày 27/3/2019 của UBND tỉnh [↑](#footnote-ref-24)
25. () Như Chính sách phát triển thủy sản (Nghị định 67); Quyết định 48/2010/CP của Chính phủ về hỗ trợ người dân đánh bắt hải sản vùng biển xa; Quỹ hỗ trợ ngư dân; Quyết định 27/2016/QĐ-UBND ngày 8/12/2016 của UBND tỉnh về Cơ chế khuyến khích phát triển NTTS;.... [↑](#footnote-ref-25)
26. Chương trình hành động tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh nhằm thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Chỉ thị số 17/2015/CT-UBND ngày 18/8/2015 về tăng cường các biện pháp kiểm tra, xử lý các hành vi phá rừng, lấn, chiếm đất lâm nghiệp trái phép trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 02/02/2015 về tăng cường các biện pháp quản lý, bảo vệ rừng tại các lưu vực hồ thủy điện trên địa bàn tỉnh;Chỉ thị số 20/2012/CT-UBND ngày 21/8/2012 về tăng cường các biện pháp quản lý phương tiện, dụng cụ đưa vào rừng trên địa bàn tỉnh. [↑](#footnote-ref-26)
27. Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020. [↑](#footnote-ref-27)
28. Đề án triển khai Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. [↑](#footnote-ref-28)
29. Nghị quyết số 39/NQ-HĐND về quy hoạch bảo tồn và phát triển cây dược liệu trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2018-2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 40/2017/NQ-HĐND về cơ chế hỗ trợ, bảo tồn và phát triển cây Quế Trà My trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2018-2025; Nghị quyết số 41/2017/NQ-HĐND về cơ chế khuyến khích, bảo tồn, phát triển Sâm Ngọc Linh trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2018-2025; Nghị quyết số 42/2017/NQ-HĐND về quy định cho thuê môi trường rừng để trồng cây dược liệu, lâm sản ngoài gỗ và kinh doanh du lịch sinh thái trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; đã ban hành ngày 07/12/2017. [↑](#footnote-ref-29)
30. () Theo Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn và cơ chế, chính sách hỗ trợ ngành nghề nông thôn trong thời gian đến. [↑](#footnote-ref-30)
31. () Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020; Quyết định 461/QĐ-TTg ngày 27/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển 15.000 HTX, liên hiệp HTXNN hoạt động có hiệu quả đến năm 2020. [↑](#footnote-ref-31)